TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2024
"V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.

2- Ông Nguyễn Hồng Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Nhẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14a/2024/QĐST–HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phan Thị Thu X, sinh năm: 1990. Địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Long An

Bị đơn: ông Phạm Bình A, sinh năm: 1986. Địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Long An

(Bà Thu X có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Bình A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2023 và lời trình bày của nguyên đơn là bà Phan Thị Thu X trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Bà X và ông Phạm Bình A tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã A, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 28/10/2010, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100/2010. Sau khi cưới bà X và ông A chung sống hòa thuận với nhau. Qua thời gian sống chung cùng nhau thì chúng tôi thường xuyên gây cãi với nhau, mâu thuẫn do tư tưởng giữa hai người không hợp nhau, không còn tiếng nói chung. Bà X và ông A đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, ông A sống ở nhà ông A còn bà X cùng ba đứa con về cha mẹ ruột sinh sống. Nhận thấy tình cảm giữa bà X và ông A không thể nào hàn gắn được nữa. Nay bà X yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Bình A.

Về con chung: Bà X và ông A có 03 con chung tên Phạm Hoàng S, sinh ngày 10/12/2008, Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 26/7/2010 và Phạm Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 08/6/2022. Khi ly hôn bà X yêu cầu được nuôi con chung và theo nguyện vọng của con được ở với mẹ, bà X không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Bình A trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà X, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Phan Thị Thu X nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Bình A. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phan Thị Thu X có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Phạm Bình A vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông Phạm Bình A vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thi bên đương sự đó không phải chứng minh".

Căn cứ lời trình bày của bà X và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà X và ông A được pháp luật công nhận là vợ chồng. Hôn nhân của ông A bà X không có tiếng nói chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà X vẫn kiên quyết xin ly hôn. Ông A không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông A không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà X. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng nên yêu

cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà X xác định bà X và ông A có 03 con chung tên Phạm Hoàng S, sinh ngày 10/12/2008, Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 26/7/2010 và Phạm Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 08/6/2022. Khi ly hôn bà X yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà X phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu X đối với ông Phạm Bình A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu X được ly hôn với ông Phạm Bình A.

Về con chung: bà Phan Thị Thu X được quyền nuôi 03 con chung tên Phạm Hoàng S, sinh ngày 10/12/2008, Phạm Thị Thúy V, sinh ngày 26/7/2010 và Phạm Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 08/6/2022. Ông Phạm Bình A không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà X không yêu cầu.

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông A có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Thu X phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008107 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Phan Thị Thu X đã nộp đủ án phí. Ông Phạm Bình A không phải chịu án phí.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận

thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lưu Thủy